

Result for Round 1 | 第 1 轮成绩表

POS	姓名 NAME	R1	R2	AGG	+/-
1	梁恩旗 LIANG En Qi	70		70	-2
T2	吴典晁 WU Dian Chao	71		71	-1
T2	宗曾豪麒 ZONGZENG Hao Qi	71		71	-1
T2	林嘉濠 LIN Jia Hao	71		71	-1
T5	林钰鑫 LIN Yu Xin	72		72	E
T5	蒲禧 PU Xi	72		72	E
7	吴汶轩 WU Wen Xuan	73		73	1
T8	陈沛成 CHEN Pei Cheng	74		74	2
T8	吴俊林 WU Jun Lin	74		74	2
T8	吴祖旭 WU Zu Xu	74		74	2
T11	罗玄 LUO Xuan	75		75	3
T11	银浩鑫 YIN Hao Xin	75		75	3
T11	张博弈 ZHANG Bo Yi	75		75	3
T11	裘子航 QIU Zi Hang	75		75	3
T11	薛涵 XUE Han	75		75	3
T11	唐俊祎 TANG Jun Yi	75		75	3
T17	董锦豪 DONG Jin Hao	76		76	4
T17	李林强 LI Lin Qiang	76		76	4
T17	张镇显 ZHANG Zhen Xian	76		76	4
T20	陈王军 CHEN Wang Jun	77		77	5
T20	邵茗皓 SHAO Ming Hao	77		77	5
T20	刘家铭 LIU Jia Ming	77		77	5
T20	陈培林 CHEN Pei Lin	77		77	5
T24	王鑫兴 WANG Xin Xing	78		78	6
T24	石震 SHI Zhen	78		78	6
T24	王梓 WANG Zi	78		78	6
T27	尹帅奇 YIN Shuai Qi	79		79	7
T27	田睿天 TIAN Rui Tian	79		79	7
T27	李祺 LI Qi	79		79	7
T27	谢恭金 XIE Gong Jin	79		79	7

POS	姓名 NAME	R1	R2	AGG	+/-
T31	李佳昆 LI Jia Kun	81		81	9
T31	董奇 DONG Qi	81		81	9
T31	吕田(女) LV Tian [L]	81		81	9
T34	王健 WANG Jian	82		82	10
T34	米家和 MI Jia He	82		82	10
T36	罗绍钧 LUO Shao Jun	83		83	11
T36	王凤领 WANG Feng Ling	83		83	11
T36	罗三 LUO San	83		83	11
T36	朱小强 ZHU Xiao Qiang	83		83	11
T36	刘恩骅 LIU En Hua	83		83	11
41	肖光明 XIAO Guang Ming	84		84	12
T42	李耐克 LI Nai Ke	85		85	13
T42	吴荫轩 WU Yin Xuan	85		85	13
T42	卢芃皓 LU Peng Hao	85		85	13
T42	朱金柱 ZHU Jin Zhu	85		85	13
T46	顾家宁 GU Jia Ning	86		86	14
T46	杨芊芊(女) YANG Qian Qian[L]	86		86	14
T46	邓韬 DENG Tao	86		86	14
T46	左学翼 ZUO Xue Yi	86		86	14
50	王启俊 WANG Qi Jun	87		87	15
T51	甘谦 GAN Qian	88		88	16
T51	杨琦乔 YANG Qi Qiao	88		88	16
T51	刘建宇 LIU Jian Yu	88		88	16
54	文邦环 WEN Bang Huan	89		89	17
T55	张峰 ZHANG Feng	90		90	18
T55	向鸿 XIANG Hong	90		90	18
57	祝锵博 ZHU Qiang Bo	91		91	19
58	丁耀宇 DING Yao Yu	93		93	21
59	唐中建 TANG Zhong Jian	97		97	25
60	朱栩演 ZHU Xu Yan	132		132	60